

MỘT SỐ QUAN ĐIỂM VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI CỦA NGUYỄN VĂN VĨNH

Trần Thị Hạnh^(*)

^(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Email: tranthihanhtriethoc@gmail.com

Tóm tắt: Nguyễn Văn Vĩnh (1882 - 1936) là nhà báo, nhà tư tưởng có ảnh hưởng lớn trong văn hóa Việt Nam, để lại dấu ấn trong lịch sử phát triển của tầng lớp trí thức Việt Nam đầu thế kỷ XX. Ông có nhiều quan điểm tư tưởng mới về văn hóa xã hội Việt Nam, trực diện phê phán những lạc hậu của văn hóa truyền thống, đồng thời giữ gìn và phát huy những giá trị của Á Đông, kết hợp với sự duy tân theo phương Tây. Tư tưởng duy tân của Nguyễn Văn Vĩnh chủ yếu tập trung vào việc chọn lọc và noi theo cái hay cái đẹp, phát huy cái tinh túy của nền văn hóa nước ngoài. Ông tích cực truyền bá chữ Quốc ngữ, tích cực tiếp biến tư tưởng Đông - Tây nhằm xây dựng một nền văn hóa, xã hội Việt Nam mới.

Từ khóa: Nguyễn Văn Vĩnh, chữ Quốc ngữ, phụ nữ, văn minh, văn hóa.

Ngày nhận bài: 13/11/2024; ngày phản biện: 14/11/2024; ngày sửa chữa: 15/12/2024; ngày duyệt đăng: 02/06/2025.

1. Dẫn nhập

Nguyễn Văn Vĩnh (1882 - 1936) đã sống trong một giai đoạn lịch sử đặc biệt của dân tộc Việt Nam, đó là thời kỳ thuộc địa. Cuộc đời và sự nghiệp của ông đã có vị trí nhất định trong văn hóa Việt Nam, để lại dấu ấn trong lịch sử phát triển của tầng lớp trí thức Việt Nam đầu thế kỷ XX. Cho đến nay, các tác phẩm của Nguyễn Văn Vĩnh và công trình nghiên cứu về Nguyễn Văn Vĩnh chưa được tuyển tập nhiều; hơn nữa cách nhận định, đánh giá vai trò, vị trí của ông trong lịch sử xã hội cũng còn nhiều quan điểm khác nhau, có những quan điểm chưa thực sự khách quan.

Chúng tôi bước đầu khai thác các bài viết, các di thảo của Nguyễn Văn Vĩnh để tìm hiểu nội dung quan điểm tư tưởng của ông về văn hóa, xã hội, đánh giá về vai trò và vị trí của ông trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, hy vọng làm sáng rõ hơn về sự tiếp biến tư tưởng Đông - Tây của đội ngũ trí thức Việt Nam đầu thế kỷ XX.

2. Tổng quan những công trình nghiên cứu về Nguyễn Văn Vĩnh

Hiện nay, những công trình nghiên cứu về học giả Nguyễn Văn Vĩnh đã xuất hiện, nhưng chủ yếu vẫn xem xét ông dưới góc độ một nhà báo, ít công trình xem xét ông dưới góc độ một nhà tư tưởng. Cho nên, trong quá trình nghiên

cứu thực hiện công trình này, chúng tôi đã gặp không ít khó khăn. Do trước đây, một số quan điểm cho rằng, những người như Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh là những người theo Pháp, dẫn đến việc bỏ qua nhiều công trình và thành tựu của các ông.

Thời kỳ trước năm 1975, tại thành phố Hồ Chí Minh, một số công trình có đề cập đến Nguyễn Văn Vĩnh, nhưng chủ yếu xoay quanh lĩnh vực báo chí. Những luận đề này thường được sử dụng làm tài liệu giảng dạy trong các trường học, tiêu biểu như cuốn *Luận đề về Đông Dương tạp chí* của GS. Nguyễn Duy Diễm (xuất bản năm 1961), *Luận đề Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh* của GS. Kiêm Đạt (xuất bản năm 1958).

Trong cuốn *Lịch sử báo chí Việt Nam*, tác giả Huỳnh Văn Tòng đã ghi nhận những đóng góp của Nguyễn Văn Vĩnh. Trong cuốn sách này, tác giả Vũ Ngọc Phan đã dành một vài trang viết về *Nguyễn Văn Vĩnh*. Ông được coi là một trong những người viết về Nguyễn Văn Vĩnh sớm nhất. Nhà văn Vũ Bằng đã có thời gian cùng cộng tác với Nguyễn Văn Vĩnh, có những ký ức về ông trong một số tác phẩm tiêu biểu, như *Bốn mươi năm nói láo*, *Mười bốn gương mặt nhà văn đồng nghiệp*. Các tác phẩm này cung cấp khá nhiều tư liệu về cuộc đời Nguyễn Văn Vĩnh - những tư liệu có giá trị qua chính cảm xúc cá nhân của chính tác giả.

Năm 1994, Nhà xuất bản Lao động đã xuất bản cuốn *Chữ quốc ngữ và cuộc cách mạng chữ viết đầu thế kỷ XX* của tác giả Hoàng Tiến. Cuốn sách này đề cập đến những đóng góp của Nguyễn Văn Vĩnh trong việc cổ vũ và truyền bá chữ quốc ngữ ở Việt Nam. Tuy nhiên, nội dung đăng tải về Nguyễn Văn Vĩnh chỉ

chiếm một phần nhỏ trong đề tài nghiên cứu về chữ quốc ngữ của tác giả này.

Ngoài ra, một số tác giả như Dương Quảng Hàm, Thiếu Sơn, Hoàng Đạo Thúy,... cũng đã có những bài viết hoặc bình luận ngắn đề cập đến Nguyễn Văn Vĩnh.

Cuối năm 2013, Nguyễn Lâm Bình đã tổ chức biên soạn và xuất bản ba cuốn sách về Nguyễn Văn Vĩnh. Cuốn thứ nhất, *Nguyễn Văn Vĩnh là ai*, được viết với mục đích giúp cho độc giả hiểu rõ hơn về cuộc đời và sự nghiệp của ông. Cuốn sách tập hợp rất nhiều bài viết bằng cả tiếng Việt và tiếng Pháp, phản ánh những nhận định, quan sát thực tế, cùng chính kiến và sự tri ân của những người cùng thời đối với nhân cách và sự nghiệp văn hóa của Nguyễn Văn Vĩnh. Cuốn thứ hai có nhan đề *Lời người man di hiện đại*, do Nguyễn Lâm Bình và Nguyễn Lâm Thắng đồng chủ biên. Cuốn sách bao gồm hơn ba mươi bài viết bằng tiếng Pháp của nhà báo Nguyễn Văn Vĩnh, xoay quanh các chủ đề về phong tục, tập quán sinh hoạt cùng với các cấu trúc hành chính, địa hình và nhân sự theo những nguyên tắc truyền thống trong hệ thống quyền lực có liên quan đến việc phân vai, chức sắc trong các làng quê ở khu vực Đồng bằng Bắc bộ vào thời kỳ ông sinh sống. Cuốn thứ ba có tên gọi là *Parole Du Barbare*, được viết và xuất bản bằng nguyên bản tiếng Pháp. Cuốn sách là tập đầu tiên trong bộ sách *Lời người man di hiện đại*. Toàn bộ nội dung và hình thức trình bày được giữ nguyên như cuốn sách in bằng tiếng Việt, bao gồm các bài viết được sao chép và in lại nguyên văn nội dung đã từng đăng tải trên tờ báo tiếng Pháp *L'Annam Nouveau* (Nước Nam mới) do Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút.

Năm 2022, Tủ sách Phụ nữ từng thư của Nhà xuất bản phụ nữ Việt Nam đã xuất bản cuốn *Vấn đề phụ nữ*, tập hợp những bài viết của Nguyễn Văn Vĩnh về chủ đề phụ nữ trên các ấn phẩm *Đông Dương Tạp chí*, *Trung Bắc tân văn*.

Tóm lại, cho đến nay, các công trình nghiên cứu mới chủ yếu tiếp cận Nguyễn Văn Vĩnh dưới góc độ một nhà báo, trong khi vẫn còn thiếu những nghiên cứu chuyên sâu xem xét ông như một nhà tư tưởng văn hóa, xã hội.

3. Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Văn Vĩnh: những đóng góp nổi bật

Nguyễn Văn Vĩnh sinh ngày 15 tháng 6 năm 1882 tại thôn Phụng Vũ, xã Phụng Dục, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông (nay là huyện Phú Xuyên, Hà Nội). Ngày từ nhỏ, ông đã sớm tiếp xúc với tiếng Pháp và bộc lộ năng khiếu học tập vượt trội. Dù chỉ đảm nhận công việc kéo quạt mát trong lớp học của Trường Hậu bổ, ông vẫn được nhà trường cho phép tham gia kỳ thi cùng các học viên chính thức. Kết quả, ông đã đỗ hạng thứ 12 trong 40 thí sinh và được cấp học bổng toàn phần cho khóa học kéo dài 4 năm. Nguyễn Văn Vĩnh tốt nghiệp thủ khoa. Năm 1897, ông được bổ nhiệm làm phiên dịch tại Tòa xứ Lào Cai. Năm 17 tuổi, khi làm việc tại tòa xứ Hải Phòng, ông đã tự học bằng sách giáo khoa tiếng Pháp và thi đỗ tốt nghiệp phổ thông. Công việc phiên dịch đã đưa ông đến làm việc tại Tòa xứ tỉnh Bắc Giang và sau đó là Tòa đốc lý Hà Nội.

Năm 1906, Nguyễn Văn Vĩnh tham gia Hội chợ thuộc địa (đấu xảo) tại thành phố Marseille (Pháp). Sau khi ở lại Pháp thêm 3 tháng để tìm hiểu thêm về văn hóa và xã hội phương Tây, khi trở về Việt

Nam, ông quyết định rời bỏ vị trí trong bộ máy chính quyền thuộc địa, chính thức dấn thân vào con đường báo chí, trở thành một nhà báo tự do.

Cũng trong năm 1906, ngôi nhà số 39 phố Mã Mây, nơi gia đình Nguyễn Văn Vĩnh sinh sống, đã trở thành điểm gặp gỡ, đàm đạo của nhiều nhân sĩ trí thức đương thời, như Phạm Duy Tốn, Phan Kế Bính, Nguyễn Đỗ Mục,... Năm 1907, ông gửi đơn lên chính quyền đương thời xin phép thành lập Trường Đông Kinh Nghĩa Thực tại địa chỉ số 10 phố Hàng Gai, do Lương Văn Can làm Thực trưởng. Tại đây, ông trực tiếp giảng dạy môn chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp. Đến năm 1926, ông đứng ra tổ chức thành lập “Trung tâm sách Âu Tây tư tưởng”, đặt trụ sở ở số nhà 1-3 phố Hàng Gai, Hà Nội.

Nguyễn Văn Vĩnh là một trong những người đảm nhiệm vai trò chủ nhiệm, chủ bút nhiều nhất trong lịch sử báo chí Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX. Ông chính thức làm chủ bút tờ *Đông Cổ Tùng báo* (1907), tờ báo tiếng Pháp *Notre Journal* (1908-1909), *Notre Revue* (1910), *Lục Tinh tân văn* tại Sài Gòn (1910), *Đông Dương tạp chí* (1913), *Trung Bắc tân văn* (1915). Năm 1919, tuần báo *Đông Dương tạp chí* được đổi thành *Học báo*, vẫn do ông làm chủ nhiệm. *Học báo* là chuyên san về những vấn đề sự phạm, nhằm cung cấp cho giáo viên phương pháp giảng dạy mới và hiệu quả, đặc biệt là giảng dạy chữ Quốc ngữ. Trong số các tờ báo nói trên, *Trung Bắc tân văn* là tờ nhật báo đầu tiên ở Bắc Kỳ trong lịch sử báo chí Việt Nam. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới cuối những năm 20 - đầu những năm 30 thế kỷ XX đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tất cả các lĩnh vực, trong đó có ngành báo chí và hoạt động kinh doanh nhà in

do Nguyễn Văn Vĩnh điều hành. Nhiều tờ báo và sách in ra không phát hành được. Đồng thời, tình hình chính trị trong nước giai đoạn này có những biến động lớn với phong trào cách mạng ngày càng gia tăng và sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương. Chính quyền thực dân Pháp cũng tăng cường kiểm duyệt nghiêm ngặt đối với các tờ báo tiếng Việt. Năm 1931, Nguyễn Văn Vĩnh cho ra tờ báo tiếng Pháp *L'Annam Nouveau* (An Nam mới) và làm chủ nhiệm kiêm chủ bút cho đến năm 1936. Trong suốt 30 năm hoạt động, ông không chỉ là một cây bút đam mê viết lách, mà còn là người tổ chức và điều hành hoạt động quản lý nhiều nhà xuất bản. Do có những quan điểm bất đồng với chính phủ bảo hộ, ông bị gây sức ép về tài chính, dẫn đến việc các tờ báo bị buộc đóng cửa. Họ bắt ông phải lựa chọn một trong ba con đường: làm thượng thư cho triều đình Huế, chịu án tù hoặc đi khai thác vàng. Ông đã chọn cách đi đào vàng để trả nợ.

Tháng 3 năm 1936, Nguyễn Văn Vĩnh cùng với một người Pháp sang Sê Pôn (Lào) để đào vàng trả nợ. Theo thông tin của chính quyền sở tại, ông đã mất ngày 2 tháng 5 năm 1936 vì sốt rét. Thi hài của ông đã được Hội Tam điểm (ông là hội viên của hội này) đưa về Hà Nội, đặt tại trụ sở 107 phố Trần Hưng Đạo để cử hành tang lễ trong 3 ngày, từ 6 đến 8 tháng 5 năm 1936. Đông đảo giới báo chí của cả ba kỳ Bắc, Trung, Nam và các tầng lớp đến tiễn đưa ông, thương tiếc kính viếng. Mộ phần của ông hiện an táng tại quê nhà, Phượng Dực - Phú Xuyên - Hà Nội.

Nguyễn Văn Vĩnh đã viết nhiều bài luận đăng trên *Đông Dương Tạp chí*, điển hình là các bài: *Xét tât mình* (khởi đăng từ số 6), *Phận làm dân* (khởi

đăng từ số 48), *Chỉnh đốn lại cách cai trị dân xã* (khởi đăng từ số 61), *Nhời đàn bà* (khởi đăng từ số 5), *Hương Sơn hành trình* (Hành trình thăm chùa Hương, đăng từ số 41 đến 45). Bên cạnh vai trò nhà báo, ông còn là một dịch giả nổi tiếng, có công lớn trong việc chuyển ngữ nhiều tác phẩm văn học từ tiếng Pháp sang tiếng Việt, như: *Thơ ngụ ngôn của La Fontaine*, *Truyện trẻ con của Perrault*, *Mai nương Lê cốt* (tiểu thuyết của Abbé Prévost), *Ba người ngư lâm pháo thủ* (tiểu thuyết của Alexandre Dumas), *Những người khốn khổ* (tiểu thuyết của Victor Hugo), *Miếng da lừa* (tiểu thuyết của Honoré de Balzac), *Gui-li-ve du kỳ* (truyện của Jonathan Swift), *Tê-lê-mắc phiêu lưu ký* (truyện của Fénelon), *Bốn vở kịch nói của Molière: Trưởng giả học làm sang, Giả đạo đức, Bệnh tương, Lão hà tiện; Tục ca lệ* (kịch của Lesage), *Truyện các danh nhân Hy Lạp và La Mã* (của Plutarque), *Rabelais và Le parfum des humanités* (của Emile Vayrac), *Chàng Gil Blax xứ Xăngtizan* (Gil Blas de Santillane, tiểu thuyết của Lesage). Ngoài ra, ông còn dịch nhiều bài viết như: “Giáo đường đạo lý” - trích từ các nhà đạo đức học từ cổ đại đến hiện đại của châu Âu và “Các yếu tố triết học theo các nhà triết học cổ điển giỏi nhất của Pháp” (khởi đăng trên *Đông Dương Tạp chí* năm 1913), “Những cuộc đời song hành của những nhân vật nổi tiếng Hy Lạp và La Mã” (đăng trên *Âu Tây tư tưởng* năm 1932), v.v.. (Nguyễn Lân Bính 2013: 140-141).

Nguyễn Văn Vĩnh cũng có những công trình dịch thuật đáng chú ý từ tiếng Việt sang tiếng Pháp, như: *Kim Vân Kiều* tân bản Pháp văn (tức *Truyện*

Kiểu của Nguyễn Du), đăng từng kỳ trên *Đông Dương Tạp chí* từ số 18; *Tiền Xích Bích* và *Hậu Xích Bích*, đăng trên *Đông Dương Tạp chí*, lớp mới, số 66-68.

Thời gian Nguyễn Văn Vĩnh hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, báo chí và xuất bản tuy không dài, nhưng những công trình của ông đã thể hiện tầm vóc của một trí thức tiêu biểu cho thế hệ trí thức Việt Nam đầu thế kỷ XX. Ông có đóng góp lớn trong việc tiếp thu và truyền bá tư tưởng, văn hóa phương Tây vào Việt Nam, góp phần đặt nền móng cho một nền văn hóa Việt Nam hiện đại và tiên bộ.

Dương Quảng Hàm đã có sự đánh giá về Nguyễn Văn Vĩnh trong cuốn *Việt Nam văn học sử yếu*: “Ông là người học rộng, biết nhiều, lại có lịch duyệt, thiệp liệp tư tưởng học thuật của Âu Tây, nhưng cũng am hiểu tín ngưỡng, phong tục của dân ta, muốn đem những quan niệm, phương pháp mới nào hợp thời để truyền bá trong dân chúng, nhưng cũng chịu khó tìm tòi và biểu lộ cái dở, cái xấu cũng như cái hay, cái ý nghĩa của các chế độ, tục lệ xưa của các mối mê tín, dị đoan cũ; vì thế, có người hiểu lầm mà trách ông muốn đem những điều tin nhảm, những cái hủ tục mà tán dương và khôi phục lại như trong việc in cuốn *Niên lịch thông thư* trong có biên chép ngày tốt ngày xấu và kê cứu các thuật bói toán, lý số. Tư tưởng duy tân của Nguyễn Văn Vĩnh: noi theo cái hay, cái đẹp, phát huy cái tinh túy của nền văn hóa nước ngoài chứ không phải học đòi lai căng nhố nhăng mang tính “xỏ toẹt” như một bộ phận trong xã hội lúc bấy giờ. Trong điều kiện xã hội khi ấy, tư tưởng canh tân của Nguyễn Văn Vĩnh là đổi mới quá, táo bạo quá và “phức tạp”

quá đối với phần đông quốc dân, thành ra không tránh khỏi sự hiểu nhầm của nhiều người. Bên cạnh việc canh tân, ông còn ra sức giới thiệu với Tây phương về những nét đặc sắc của văn hóa Á Đông” (Dương Quảng Hàm 1968).

Qua khảo cứu các văn bản của Nguyễn Văn Vĩnh còn tồn tại đến ngày nay, chúng tôi nhận thấy ông đã đặt nền móng cho việc tiếp biến tư tưởng Đông - Tây của mình bằng tư duy phản biện, bằng cách nhận thức lại văn hóa, tư tưởng truyền thống và đương đại lúc đó của Việt Nam. Từ đó, ông đưa ra những luận điểm mới. Đó là phong cách tư duy mang dấu ấn của chủ nghĩa duy lý phương Tây, một phong cách tư duy còn xa lạ đối với trí thức Việt Nam truyền thống lúc bấy giờ.

4. Quan điểm của Nguyễn Văn Vĩnh về bài trừ những thói hư tật xấu

Nguyễn Văn Vĩnh đã sớm nhận ra vai trò của báo chí như một công cụ hữu hiệu để thực hiện hoài bão và lý tưởng của mình: đưa những thành tựu của văn minh vào nhận thức của các giai tầng, đặc biệt là giới trí thức, và tích hợp chúng vào đời sống xã hội. Ông đã khởi động “cỗ xe tư tưởng” đầu tiên là tờ *Đăng Cổ Tùng báo*, lấy bút danh Tân Nam Tử để viết nhiều bài nghị luận về các vấn đề xã hội. Mục đích của ông khi viết các bài này là chỉ ra những thói hư, tật xấu còn tồn đọng trong xã hội, nhằm khuyến khích người dân nhanh chóng phá bỏ vòng cương tỏa của Nho giáo cổ hủ để tiếp thu tri thức và tư tưởng mới. Nguyễn Văn Vĩnh đã dùng cảm chỉ ra những thói hư, tật xấu làm phương hại đến xã hội đã góp phần khiến đất nước rơi vào tay các nước đế quốc. Ông cho rằng: “*các nét xấu, các hủ tục của người Việt Nam ta, cần nói hết ra, đừng có giấu giếm, ai cũng biết thì*

mới sửa được. Luân lý là phải dạy người ta biết gốc rễ điều ác để tự nguyện tránh, mằm mống điều thiện để tự giác làm điều thiện” (Nguyễn Văn Vĩnh 1913). Đây là quan điểm của ông trong việc lên án những thói hư, tật xấu, lỗi thời, làm ảnh hưởng đến đạo đức và văn minh của xã hội lúc bấy giờ.

Nguyễn Văn Vĩnh chỉ ra một trong những nguyên nhân dẫn tới nghèo đói là thói lười biếng (trong bài *Tại người hay tại đất?*); lối sống thờ ơ, không quan tâm đến nhau ở các đô thị (trong bài *Thói tệ*); do sự lạc hậu trong sản xuất nông nghiệp, độc canh cây lúa nên vẫn thiếu đói (trong bài *Chết về gạo*); thói mê tín, buôn thần bán thánh (trong bài *Hội Kiếp Bạc*); thói đạo đức giả, hủ tục, lãng phí, phô trương, không thiết thực trong ma chay giỗ chạp (trong bài *Ma to dễ nhón*); thói học vẹt, không sáng tạo trong tiếp thu kiến thức (trong bài *Học hành*);... Trong các bài nghị luận của mình, Nguyễn Văn Vĩnh đã đi sâu phân tích, mổ xẻ nguyên nhân của thực trạng xã hội và đưa ra các giải pháp để hạn chế mặt tiêu cực.

Trong bài “Ma to dễ nhón”, Nguyễn Văn Vĩnh đã thẳng thắn chỉ ra những cái vô nghĩa lý trong đời sống xã hội:

“Phong tục An-nam mình, nhiều điều thật không có nghĩa lý gì. Như có bố mẹ lên lão, hoặc mình đi thi đỗ, cưới vợ, làm nhà, được làm quan, thăng hàm, mà ăn mừng thì còn có nhẽ; nhưng bố mẹ chết, mà mổ trâu mổ bò, mời làng mời nước, biếu-sén hàng xóm (xóm) láng giềng, thì còn có nghĩa gì nữa?... Tôi nghĩ không giả nghĩa nào bằng: lúc cha mẹ còn sống; nhà thường thì cố làm ăn cho cha mẹ được hiển vinh; nhà có thì gắng nên tài trí để cha mẹ được danh tiếng” (Đại Nam Đăng cổ Tùng báo, số 796).

Từ Đăng Cổ Tùng báo tới *Đông Dương Tạp chí*, Nguyễn Văn Vĩnh đã viết hàng loạt bài xã luận lên án và kêu gọi sửa đổi những thói hư, tật xấu gây phương hại xã hội của đội ngũ quan lại, trong đó, đáng chú ý là 19 bài (không đặt tên riêng) của chuyên mục *Xét tật mình*, đăng tải trên *Đông Dương Tạp chí*. Mỗi bài viết tập trung phản ánh một hoặc vài hủ tục văn hóa cụ thể còn tồn tại trong xã hội đương thời, được ông mang ra mổ xẻ và kêu gọi quốc dân sớm loại bỏ, như: Tính ỷ lại trong cuộc sống (số 8); Coi ăn uống là việc quan trọng hàng đầu (số 10); Ăn mặc suồng sã, hở hãnh (số 14); Lối học cổ hủ thông qua tiếng Trung Hoa, tác hại đến hoạt động trí tuệ của dân tộc (số 16); Lợi dụng đau khổ của đồng bào để trục lợi (số 17).

“Ai có được anh em chú bác hoặc con cháu làm nên mà nương nhờ, thì lấy làm vinh hạnh. Người làm nên cho họ được nhờ cậy, thì lấy làm một nghĩa vụ danh giá. Vì một lý tưởng ỷ lại ấy cho nên trong nước thực lắm kẻ ăn không” (Đông Dương Tạp chí, số 8).

Nguyễn Văn Vĩnh là người tiếp nối bước đường của phong trào Đông Kinh Nghĩa Thực. Ông đã thẳng thắn chỉ ra rằng, cái vắn nạn của nước Nam cũng bởi (do) những kẻ tự xưng là “trượng phu, quân tử” gây ra.

“Còn nhà nho thì khôn học, gia công đèn sách, cũng chẳng qua cố lấy đôi hia cái lợn, khi đã được rồi như người được câu thần chú mở cửa công đường. Làm đến quan chữ nghĩa xưa không dùng đầu đến nữa, thì cái cần lao đó có gọi là cần lao hữu dụng được không?” (Đông Dương Tạp chí, số 11).

Những thói hư, tật xấu và các hủ tục trong xã hội đương thời mà Nguyễn Văn

Vĩnh thẳng thắn chỉ ra đều được xem là nguyên nhân sâu xa gây phương hại cho đất nước, góp phần khiến đất nước rơi vào tay thực dân và làm cho tương lai trở nên mờ mịt. Vì vậy, ông nhấn mạnh cần phải nói rõ, chỉ rõ những căn bệnh của xã hội để mọi người hiểu, nhận thức đúng và cùng nhau tìm cách chữa trị. Việc bài trừ hủ tục và tệ mê tín dị đoan trong xã hội, cũng như kêu gọi duy tân, đổi mới, là những nội dung chủ đạo, chiếm phần lớn trong các bài xã luận hàng tuần của Nguyễn Văn Vĩnh đăng trên các tờ báo do ông chủ trương.

5. Quan điểm của Nguyễn Văn Vĩnh về xã hội Việt Nam văn minh, tiến bộ theo thời đại

Nguyễn Văn Vĩnh không chỉ viết báo và dịch sách, mà còn tích cực giảng dạy và truyền bá văn minh. Những buổi diễn thuyết và bài giảng của ông được Hội Trí tri tổ chức một tháng hai lần với nội dung phong phú. Người đương thời đã mô tả lại rằng, “trước một cử tọa trong một phòng họp chật cứng ở Hội Trí tri, ông Nguyễn Văn Vĩnh lần lượt giảng giải về các danh nhân cổ điển Pháp, các yếu tố của môn triết học Âu châu” (Nguyễn Văn Vĩnh 2022: 180). Một trong những điểm nổi bật và tiến bộ trong tư tưởng của Nguyễn Văn Vĩnh là sự đấu tranh cho quyền tự do, bình đẳng của phụ nữ Việt Nam. Ông ra sức khuyến khích mọi người, đặc biệt là nữ giới, đi học, có tri thức, có nghề nghiệp để giải phóng bản thân, không cần phải dựa vào gia đình hay chồng con, không phải “nhắm mắt đưa chân” chỉ để yên bề gia thất. Trong bài “Gái Đám” (Đăng Cổ Tùng báo số 795), Nguyễn Văn Vĩnh đã thể hiện rõ quan điểm này:

“Trong sách gia-huấn của quan Lê

Tướng công Nguyễn Trãi, mục dạy con gái, có câu rằng:

Xưa nay hồ dễ mấy ai,

Miệng khôn tay khéo cho giai được nhờ.

Các Bà ơi! Xưa kia bà Trưng-vương dùng tài lực dựng nước, bây giờ các Bà muốn dựng nước thì dễ hơn: chẳng phải tài thánh-Giống, sức Khổng-lồ gì, chỉ có một cách để cho lũ nằm dài đói meo ra thì tất họ phải dậy. Con gái kén chồng, thẳng nào không có nghề đừng thềm lầy. Thừa của đồ xuống sông xem tắm, chớ đừng đón rước đũa nghề-u-ngao về thờ” (Nguyễn Văn Vĩnh 2022: 51-53).

Trên Đăng Cổ Tùng báo, từ số 801 trở đi, Nguyễn Văn Vĩnh mở chuyên mục “Nhời Đàn Bà” với bút hiệu Đào Thị Loan nhằm bênh vực phụ nữ và khuyến khích họ đổi mới. Khi Đăng Cổ Tùng báo bị đình bản, chuyên mục “Nhời Đàn Bà” được chuyển qua *Đông Dương Tạp chí*. Hầu hết các bài trên Đăng Cổ Tùng báo (20 bài) lẫn trên *Đông Dương Tạp chí* (53 bài) đều không có tựa đề riêng mà được gộp chung lại trong mục “Nhời Đàn Bà”. Qua các bài viết, Nguyễn Văn Vĩnh đã bàn đến nhiều khía cạnh trong đời sống của người phụ nữ, như chuyện mang thai, nuôi dạy con, chăm sóc chồng, trang phục, nữ công gia chánh, đối nhân xử thế,... nhằm nói lên tâm tư, nguyện vọng của họ, qua đó kêu gọi bình đẳng giới trong gia đình và xã hội.

Quan điểm của Nguyễn Văn Vĩnh về “học hỏi để đổi mới” khác biệt rõ với hiện tượng “lai căng theo cái mới”, thể hiện tư duy độc lập và phong cách của ông. Nhờ tiếp xúc sớm với nền văn minh phương Tây, ông hiểu rất rõ sự ưu việt của nó. Theo ông, văn hóa Việt Nam lúc này cần phải được bổ sung và làm

giàu thêm bằng những yếu tố tiến bộ của văn minh phương Tây, bởi văn minh châu Á quá coi trọng gia tộc, trật tự thứ bậc trong xã hội, cương thường luân lý, trong khi lại thiếu sự quan tâm đúng mức đến quyền tự do cá nhân. Ông cho rằng, người châu Á cần phải chấp nhận nền văn minh Âu châu như “một bài thuốc đặc trị”. Nguyễn Văn Vĩnh muốn thu nhận những tinh hoa văn hóa phương Tây, phù hợp với văn hóa Việt Nam, làm cho người Việt Nam trở nên tiến bộ. Tư tưởng tiếp biến văn hóa phương Tây được thể hiện rõ nét trong nhiều bài báo của ông, khuyến khích người Việt Nam biết chắt lọc, học hỏi và biến những giá trị phù hợp thành một phần trong văn hóa của mình. Đồng thời, ông cũng hết sức cảnh giác với hiện tượng lai căng văn hóa phương Tây, giả hiệu đổi mới, nhất là đổi mới bề ngoài một cách lố lảng và lập dị.

Trong bài “Học đòi làm đáng một cách sống sượng” (trong mục Nhời Đàn Bà, trên *Đăng Cổ Tùng báo*, số 813), Nguyễn Văn Vĩnh đã tỏ rõ quan điểm của mình:

“Cứ chiều đến, độ sáu bảy giờ, đứng ở bờ hồ Hoàn Kiếm, chỗ gốc cây dừa, trông kẻ đi qua người đi lại, thấy lắm sự ngứa mắt quá. Nhất là trông mấy ông ăn mặc quần áo Tây. Gớm, sao mà khéo bắt chước quá, giả thử sự học hành, sự buồn bán mà cũng bắt chước quan Tây được khéo thế thì hay quá!... Em thực là người hiểu sự duy tân. Cách ăn mặc An Nam đầu đội cái khăn bằng cái rế, búi tóc như quả bưởi, áo lượt tha lượt thướt, giày lẹp cạp lẹp, móng tay gài đầu như người rữ chiều thì cũng bản lắm thực. Em cũng muốn rằng người An Nam ăn mặc cho gọn gàng sạch sẽ diện mạo tinh nhanh,

nhưng mà thấy những trò sai sòn của các ông cũng ngứa mắt lắm” (Nguyễn Văn Vĩnh 2022: 68-69).

Quan điểm nhất quán của Nguyễn Văn Vĩnh là cần noi theo những cái hay, cái đẹp, phát huy cái tinh túy của nền văn hóa nước ngoài, chứ không phải học đòi một cách lai căng, phủ định sạch trơn những giá trị của văn hóa truyền thống dân tộc. Ban đầu, ông thường thiên về dịch các tác phẩm học thuật tư tưởng của các bậc danh sĩ nổi tiếng nước Pháp, như Emile Zola, Pascal, nhưng về sau, ông chuyển sang dịch tiểu thuyết và hài kịch. Có lẽ, ông muốn thu hút nhiều người đọc báo hơn, vì đọc tiểu thuyết và hài kịch thường dễ tiếp cận, hấp dẫn và cuốn hút hơn so với đọc tư tưởng triết học. Những tác phẩm dịch tiểu thuyết, văn xuôi, thơ,... của Nguyễn Văn Vĩnh đã góp phần giúp cho người dân Việt Nam tiếp cận những tư tưởng mới, tiến bộ, những điều hay của phương Tây. Đồng thời, thông qua những tác phẩm dịch ngược, ông cũng giúp người phương Tây hiểu rõ hơn nét đặc sắc của văn hóa Việt Nam và phương Đông. Do đó, có thể khẳng định rằng, Nguyễn Văn Vĩnh là một trong những người tiên phong trong việc kiến tạo nhịp cầu nối liền giữa hai nền văn hóa phương Đông và phương Tây ở Việt Nam.

6. Quan điểm của Nguyễn Văn Vĩnh về vai trò của chữ Quốc ngữ trong phát triển văn hóa

Nguyễn Văn Vĩnh và nhóm cộng sự của *Đông Dương Tạp chí* (bao gồm: Nguyễn Đỗ Mục, Phan Kế Bính, Nguyễn Bá Học...) đã sớm nhận thấy vai trò to lớn của chữ Quốc ngữ như một thứ vũ khí lợi hại cần thiết cho dân tộc ta trong sự nghiệp chấn hưng đất nước. Từ khi

bắt đầu làm báo và tham gia giảng dạy ở Trường Đông Kinh Nghĩa Thục, Nguyễn Văn Vĩnh đã cổ động nhân dân học chữ Quốc ngữ. Năm 1913, trên số 2 của tờ *Đông Dương Tạp chí*, ông đã kêu gọi nhân dân Việt Nam học chữ Quốc ngữ để thay thế chữ Hán và chữ Nôm. Ông cho rằng chữ Quốc ngữ không chỉ giúp người biết chữ đọc được, hiểu được, mà còn tạo điều kiện để mọi thành viên trong gia đình, từ *đàn ông cho đến phụ nữ và trẻ em, đều có thể dễ dàng tiếp nhận*.

Mặc dù thời gian đầu, văn chương Quốc ngữ còn vụng về, lủng củng, nhưng Nguyễn Văn Vĩnh sớm nhận thấy cần khắc phục những hạn chế này để ngôn ngữ viết có thể diễn đạt chính xác và hiệu quả hơn. Ông đã đề xuất một biện pháp đơn giản và hiệu quả là tất cả các thể loại như: báo, sách, văn chương, thơ, tiểu thuyết, nghị luận, đơn từ đến những câu đối, câu phú, lời chúc mừng bạn bè... đều phải viết bằng chữ Quốc ngữ, để cho người dân làm quen dần và đồng thời cũng luyện cho người viết trôi chảy, trau chuốt hơn. Bên cạnh việc vận động mọi người cùng tham gia cổ động và viết chữ Quốc ngữ, vấn đề ngữ pháp tiếng Việt cũng được ông đưa ra bàn luận để đi đến thống nhất trong toàn quốc về cách đặt câu, cách viết, chấm phẩy, cách nói, viết cho cả ba miền và cần phải có một thể lệ chung. Ông nhấn mạnh, tuy có sự khác biệt trong cách nói, cách viết giữa ba miền, nhưng nếu mỗi miền chịu học những từ chuẩn của nhau thì chữ Quốc ngữ ngày càng trở nên rõ ràng và thống nhất trong cả nước về mặt văn tự.

Để chữ Quốc ngữ ngày càng hoàn chỉnh, giúp cho mọi người đọc và hiểu

được dễ dàng, bên cạnh việc chỉnh sửa những chữ còn sai khi nói và viết (chính tả), cần phải thống nhất cách phiên âm tên đất nước, tên người nước ngoài khi dịch ra chữ Quốc ngữ. Thông thường, người dịch có xu hướng phiên âm theo tiếng Trung Quốc, mặc dù rất dễ đọc và dễ nhớ, nhưng lại bị sai lệch so với nguyên bản. Ngược lại, nếu dịch trực tiếp từ tiếng nước ngoài sang chữ Quốc ngữ thì nhiều người lại không hiểu, còn để nguyên như bản gốc thì những người không biết tiếng nước ngoài sẽ không thể đọc được. Từ thực tiễn đó, Nguyễn Văn Vĩnh đã đưa ra hai cách phiên âm hợp lý. Đối với những tên nước lớn đã quen thuộc như Pháp, Anh, Nga, Đức, Bỉ, Áo..., ông đề xuất tiếp tục sử dụng cách gọi phổ biến đã được xã hội chấp nhận. Đối với các tên nước chưa phổ biến, ông khuyên nên dịch theo cách mới, phiên âm gần với nguyên âm gốc. Cụ thể, khi đưa các tên này vào văn bản viết bằng chữ Quốc ngữ, nên phiên âm trước bằng tiếng Việt, sau đó đặt tên gốc (nguyên dạng) trong dấu ngoặc đơn để người viết tiếng nước ngoài có thể dễ dàng nhận diện. Theo ông, đây là một vấn đề rất cần thiết và có tính thời sự đối với lĩnh vực báo chí, xuất bản lúc bấy giờ.

Trong số những trí thức tiêu biểu đương thời, như Phan Kế Bính, Trần Trọng Kim, Nguyễn Đỗ Mục, Phạm Quỳnh..., Nguyễn Văn Vĩnh được coi là người tiên phong trong phong trào cổ vũ và truyền bá chữ Quốc ngữ ở Việt Nam. Ông luôn thực hiện bằng cả hai hình thức: diễn thuyết và xuất bản. Năm 1918, thời điểm đánh dấu sự kết thúc của tờ *Đông Dương Tạp chí*, đồng thời cũng là năm chữ Quốc ngữ giành

được thắng lợi hoàn toàn, không còn ai có thể nghi ngờ khả năng biểu đạt của chữ Quốc ngữ. Chữ Quốc ngữ khi ấy đã có thể dịch được tất cả những áng văn hay của nước ngoài, cũng như diễn tả được những tư tưởng và cảm xúc một cách chân thực. Chữ Quốc ngữ đã được sử dụng rộng rãi thay thế cho chữ Hán và chữ Nôm. Từ đây, chữ Quốc ngữ đã trở thành thứ chữ phổ thông, chiếm vị trí quan trọng và được tất cả người dân Việt Nam ưa dùng. Việc lên tiếng bảo vệ, cổ động cho chữ Quốc ngữ của Nguyễn Văn Vĩnh và những người cùng chí hướng với ông là một việc rất đáng trân trọng. Sử dụng chữ Quốc ngữ không chỉ là then chốt, là chìa khóa để thống nhất ngôn ngữ phổ thông quốc gia, mà còn là công cụ quan trọng để người Việt Nam học hỏi, tiếp thu, trao đổi khoa học, kỹ thuật, văn hóa với toàn thế giới.

7. Kết luận

Nguyễn Văn Vĩnh có những quan điểm, tư tưởng mới và hoạt động sôi nổi trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục ở Việt Nam đầu thế kỷ XX. Ông là một học giả, một nhà văn hóa được ghi nhận trong tiến trình phát triển văn hóa đất nước giai đoạn này. Trưởng thành trong thời kỳ thuộc địa, ông được trang bị vốn văn hóa truyền thống và tiếp thu văn hóa Pháp từ khi còn nhỏ. Do vậy, phong cách tư duy và nội dung tư tưởng, quan điểm của ông vừa mang sắc thái phương Đông, vừa có ảnh hưởng phương Tây. Ông tiếp thu và truyền bá văn minh Pháp một cách có chọn lọc. Những bài viết, cho dù là bài phê phán thói hư, tật xấu, cổ hủ của người Việt Nam, vẫn thấm đẫm tinh thần tự hào dân tộc, thể hiện ý chí đưa dân tộc lên trình độ văn minh. Ông khẳng định

vai trò quan trọng của chữ Quốc ngữ và tích cực truyền bá nó, góp phần vào thắng lợi hoàn toàn của chữ Quốc ngữ ở Việt Nam. Từ đây, dân tộc Việt Nam có thể tự chủ sử dụng ngôn ngữ của mình để truyền đạt, học hỏi và phát triển văn hóa, giáo dục. Nguyễn Văn Vĩnh đấu tranh cho một xã hội văn minh, ở đó vị trí và vai trò của người phụ nữ được xác lập. Bình đẳng và tự do cho phụ nữ là một cuộc cách mạng lớn ở Việt Nam, trong đó những trí thức tiên bộ như Nguyễn Văn Vĩnh có công sức xây dựng. Các bài viết và các hoạt động của ông, nếu được thu thập đầy đủ hơn nữa, chắc chắn sẽ là chất liệu để hậu thế khai thác, từ đó hệ thống tư tưởng của Nguyễn Văn Vĩnh sẽ mang lại những giá trị đối với nền triết học và văn hóa đương đại.

Tài liệu trích dẫn

1. Nguyễn Lân Bình (chủ biên). 2013. *Nguyễn Văn Vĩnh là ai?* Hà Nội: Nxb. Tri Thức.
2. Phan Ngọc. 2006. *Sự tiếp xúc văn hóa Việt Nam với Pháp*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa - Thông tin và Viện Văn hóa.
3. Nguyễn Văn Vĩnh. 2022. *Vấn đề phụ nữ ở nước ta*. Hà Nội: Nxb. Phụ nữ Việt Nam.
4. Dương Quảng Hàm. 1968. *Việt Nam văn học sử yếu* (bản in lần thứ 10). Sài Gòn: Trung tâm học liệu xuất bản.
5. Nguyễn Văn Vĩnh. 1913. *Đông Dương Tạp chí*. “Lời nói đầu”.
6. *Đại Nam Đăng cổ Tùng báo*, số 796, ngày 18/4/1907.
7. *Đông Dương Tạp chí*, số 8, ngày 3/7/1913.
8. *Đông Dương Tạp chí*, số 11, ngày 24/7/1913.